https://nhathuocngocanh.com/

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Lần đầu: 04/07/2018

PheNYLephrine AGUETTANT **50** microgrammes/mL
micrograms/mL

Solution injectable en seringue pré-remplie / *Solution for injection in pre-filled syringe*
Phényléphrine / *Phenylephrine*
Voie IV / *IV use*

x10 **500 µg - 10 mL**
Seringues pré-remplies polypropylène
Polypropylene pre-filled syringes

COMPOSITION EN SUBSTANCES ACTIVES / *STATEMENT OF ACTIVE SUBSTANCES:*
Chaque mL de solution injectable contient 50 microgrammes de phényléphrine (sous forme de chlorhydrate de phényléphrine). Chaque seringue pré-remplie de 10 mL contient 500 microgrammes de phényléphrine (sous forme de chlorhydrate de phényléphrine).
Each mL of solution for injection contains 50 micrograms of phenylephrine (as phenylephrine hydrochloride). Each 10 mL pre-filled syringe contains 500 micrograms of phenylephrine (as phenylephrine hydrochloride).

LISTE DES EXCIPIENTS / *LIST OF EXCIPIENTS:*
Chlorure de sodium, citrate de sodium dihydraté, acide citrique monohydraté, hydroxyde de sodium (pour l'ajustement du pH), eau pour préparations injectables. Voir la notice pour plus d'informations.
Sodium chloride, sodium citrate dihydrate, citric acid monohydrate, sodium hydroxide (for pH adjustment), water for injections. See package leaflet for further information.

FORME PHARMACEUTIQUE ET CONTENU / *PHARMACEUTICAL FORM AND CONTENT:*
Solution injectable en seringue pré-remplie. Boîte de 10 seringues de 10 mL.
Solution for injection in pre-filled syringe. Box of 10 syringes of 10 mL.

MODE ET VOIE D'ADMINISTRATION / *METHOD AND ROUTE OF ADMINISTRATION:*
Lire la notice avant utilisation. Voie intraveineuse.
Read the package leaflet before use. Intravenous use.

TENIR HORS DE LA VUE ET DE LA PORTÉE DES ENFANTS.
KEEP OUT OF THE SIGHT AND REACH OF CHILDREN.

PRECAUTIONS PARTICULIERES DE CONSERVATION / *SPECIAL STORAGE CONDITIONS:*
Conserver la seringue préremplie dans son blister, dans l'emballage d'origine, à l'abri de la lumière.
Store the syringe in its blister, in the outer package, in order to protect from light.

Médicament réservé à l'usage hospitalier et à l'usage en situation d'urgence selon l'article R. 5121-96 du Code de la Santé Publique.
For hospital use only and for emergency situations in accordance with article 5121-96 of the French Public Health Code.

TITULAIRE - EXPLOITANT / *MAH - DISTRIBUTOR:*
Laboratoire AGUETTANT - 1 rue Alexander Fleming - 69007 LYON - France

MÉDICAMENT AUTORISÉ
MARKETING AUTHORIZATION
N° 34009 300 010 4 2
UCD : 34008 940 457 8 6

3400930001042

LISTE I - UNIQUEMENT SUR ORDONNANCE
RESPECTER LES DOSES PRESCRITES
COMPLY WITH PRESCRIBED DOSES
ONLY ON PRESCRIPTION

AGUETTANT

PheNYLephrine
AGUETTANT **50** microgrammes/mL
micrograms/mL

Solution injectable en seringue pré-remplie
Solution for injection in pre-filled syringe
Phényléphrine / *Phenylephrine*
Voie IV / *IV use*

Lot:
Exp:
Fab:

PheNYLephrine AGUETTANT **50** microgrammes/mL
micrograms/mL

Solution injectable en seringue pré-remplie / *Solution for injection in pre-filled syringe*
Phényléphrine / *Phenylephrine*
Voie IV / *IV use*

PRÊT À L'EMPLOI
READY TO USE

x10 **500 µg - 10 mL**
Seringues pré-remplies polypropylène
Polypropylene pre-filled syringes

AGUETTANT

PheNYLephrine
AGUETTANT **50** microgrammes/mL
micrograms/mL

Solution injectable en seringue pré-remplie
Solution for injection in pre-filled syringe
Phényléphrine / *Phenylephrine*
Voie IV / *IV use*

Rx Thuốc bán theo đơn
PHENYLEPHRINE AGUETTANT 50 microgrammes/ml, dung dịch tiêm chứa trong bơm tiêm đóng sẵn
Phenylephrine 50 mcg/ml,
Hộp 10 bơm tiêm đóng sẵn chứa 10 ml dung dịch tiêm tĩnh mạch
Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: xem tờ hướng dẫn sử dụng đính kèm.
Bảo quản ở nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng
Số lô SX, NSX và HD: xem Lot, Fab và Exp trên bao bì
Sản xuất bởi: Laboratoire AGUETTANT
Parc Scientifique Tony Garnier, 1 rue Alexander Fleming, 69007 Lyon, Pháp
Số ĐK
DNNK
Để xa tầm tay trẻ em.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

LASERPHOT

BON A TIRER

CLIENT : AGUETTANT	Couleurs utilisées	BON A TIRER	VALIDATION
Nom du fichier : 102059 Code article : 102059 Format : 250 X 85 X 120 N° Plan : P14598-A Date de création : 11/2014 Dossier : AGUETTANT 01514 14		À vérifier et à retourner impérativement chez : CVA Le Passet Route de Roanne 69550 AMPLEPUIS	Nom : Date : Signature :

LABORATOIRE AGUETTANT
Parc Scientifique Tony Garnier
1 rue Alexander Fleming
69007 LYON
Tél. 04 78 61 51 41
Fax 04 78 61 51 21

155/100

https://nhathuocngocanh.com/

Noir
Découpe

☐ Validation	☐ Correction
Date :	
Nom :	
Signature :	

AGUETTANT

PheNYLephrine AGUETTANT **50 microgrammes/mL**

Solution injectable en seringue pré-remplie
Solution for injection in pre-filled syringe
Chlorhydrate de phénylephrine
Phenylephrine hydrochloride

102065 07/14

Lot:
EXP.:
Fab.:

500 µg - 10 mL

Voie IV / *IV use*

Blister stérile / *Sterile blister*

PheNYLephrine

Ne pas ouvrir avant utilisation / ~~Do not open before use~~

❶ POUSSER LE PISTON POUR LIBÉRER LE JOINT
PUSH ON THE PLUNGER TO FREE THE BUNG

❷ DÉVISSER L'EMBOUT PROTECTEUR POUR ROMPRE L'EMBOUT DE SCELLAGE
~~TWIST OFF THE END CAP TO BREAK THE SEAL~~

AGUETTANT

LABORATOIRE AGUETTANT
Parc Scientifique Tony Garnier
1 rue Alexander Fleming
69007 LYON
Tél. 04 78 61 51 41
Fax 04 78 61 51 21

Produit : PHENYLEPHRINE AGUETTANT 50 µg/ml, solution injectable en seringue pré-remplie	**Pays** : France - Lancement **Code article** : 102065 07/14	**Article de conditionnement** : Blister pour une PFS de 10 ml - Fabrication Gerland
Nom du fichier et n° de version : BlisterPFS-Phenylephrine 500µg 10ml.ai		**Dimensions** : Fermé 244x46,8mm
Date de création : 23 juillet 2014	**Date de la version** : 23 juillet 2014	**Echelle d'impression** : 100% sur A4

https://nhathuocngocanh.com/

LORGE IMPRIMEURS

BON A TIRER

Date : 29/07/2014

CLIENT :
LABORATOIRE
AGUETTANT

Ref : 102546
Version : A-A
Format : 84x51.6

2 BLANCS
P256
NOIR

Procédé:Flexographie

Découpe BG

INTERIEUR	EXTERIEUR

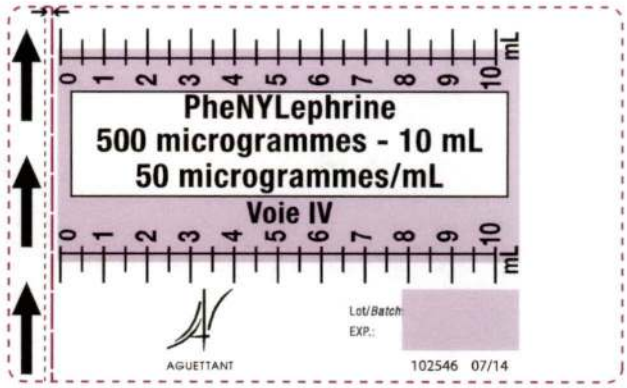

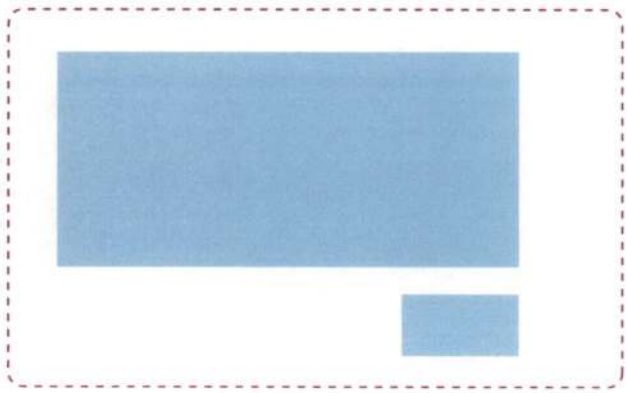

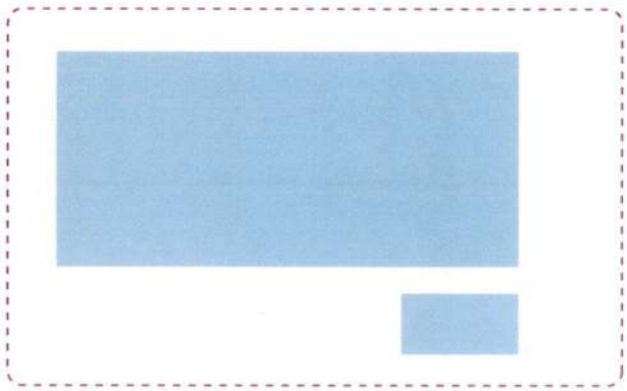

LABORATOIRE AGUETTANT
Parc Scientifique Tony Garnier
1 rue Alexander Fleming
69007 LYON
Tél. 04 78 61 51 41
Fax 04 78 61 51 21

Ce BAT (Bon à Tirer) vous est soumis afin de valider la conformité des éléments (mise en page, textes, images, couleurs). Si le document n'est pas conforme à vos attentes, veuillez nous le retourner ainsi que vos modifications. Les couleurs du document sont indicatives et représentent une approximation des Pantones. La fabrication de cette étiquette dépend exclusivement de l'acceptation de ce document. Tout BAT signé dégage entièrement notre responsabilité pour toutes erreurs et/ou ommissions.

Bon pour accord le :

Signature :

Dmd : 883-1722

https://nhathuocngocanh.com/

MN25269
BS202/057/18

AGUETTANT

LABORATOIRE AGUETTANT
Parc Scientifique Tony Garnier - 1 rue Alexander Fleming –
69007 Lyon - France

PROPOSED LABELLING

PHENYLEPHRINE AGUETTANT 50 MICROGRAMMES/ML, solution for injection in pre-filled syringe

Year 2017

https://nhathuocngocanh.com/

Rx PHENYLEPHRINE AGUETTANT 50 microgrammes/mL,

dung dịch tiêm trong bơm tiêm đóng sẵn

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Nếu có thắc mắc hay cần thêm thông tin, xin tham khảo ý kiến bác sĩ.

Xin giữ lại tờ hướng dẫn sử dụng này, bạn có thể cần phải đọc lại.

Thuốc bán theo đơn.

THÀNH PHẦN

Hoạt chất : Phenylephrin ..... 50,00 microgram
dưới dạng phenylephrin clorhydrat ..... 60,90 microgram
Cho 1 mL

Một bơm tiêm đóng sẵn 10 mL chứa 500 microgram phenylephrin, (dưới dạng phenylephrin clorhydrat).

Tá dược : Clorua natri, citrat natri dihydrat, acid citric monohydrat, hydroxid natri (để điều chỉnh pH), nước cất pha tiêm.

DẠNG BÀO CHẾ

Dung dịch tiêm trong bơm tiêm đóng sẵn.

Dung dịch trong suốt không màu

pH 4,7 – 5,3

TÍNH CHẤT DƯỢC LỰC HỌC

Nhóm dược lý-trị liệu: THUỐC KÍCH THÍCH TIM NGOÀI GLYCOSIDE TRỢ TIM, mã ATC: C01CA06

Phenylephrin là một thuốc co mạch mạnh tác động bằng cách hầu như chỉ kích thích các thụ thể alpha 1 adrenergic. Tác dụng co động mạnh này còn đi kèm với co tĩnh mạch, qua đó dẫn đến tăng áp suất động mạch và nhịp tim chậm phản xạ. Sự co mạch mạnh ở hệ thống động mạch làm tăng kháng lực đối với tống máu tâm thất (tăng hậu tải), dẫn đến giảm cung lượng tim, có thể ít rõ rệt trên người bình thường, nhưng có thể làm trầm trọng thêm tình trạng suy tim có sẵn từ trước.

TÍNH CHẤT DƯỢC ĐỘNG HỌC

Thể tích phân bố ở trạng thái cân bằng là 340 lít.

Phenylephrin được thải trừ chủ yếu qua thận dưới dạng acid m-hydroxymandelic và các chất liên hợp phenol.

Thời gian tác động sau khi tiêm tĩnh mạch là 20 phút.

Thời gian bán thải là 3 giờ.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

10 mL dung dịch trong bơm tiêm đóng sẵn (polypropylen); hộp 10 bơm tiêm.

CHỈ ĐỊNH ĐIỀU TRỊ

- Điều trị hạ huyết áp trong khi gây mê và gây tê vùng tủy sống hoặc ngoài màng cứng để làm thủ thuật ngoại khoa hoặc sản khoa,.
- Điều trị dự phòng hạ huyết áp khi gây tê tủy sống để làm thủ thuật ngoại khoa hoặc sản khoa.

https://nhathuocngocanh.com/

LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG

Đường tiêm. Truyền tĩnh mạch hoặc tiêm tĩnh mạch trực tiếp (bolus).

Phenylephrin chỉ được sử dụng bởi hoặc dưới sự giám sát của một bác sĩ gây mê.

Tiêm tĩnh mạch trực tiếp: Liều thường dùng là 50 µg, có thể lặp lại cho đến khi đạt được tác dụng mong muốn.

Có thể tăng liều trong trường hợp hạ huyết áp nặng, không được vượt quá 100 µg tiêm tĩnh mạch.

Truyền tĩnh mạch liên tục: Liều ban đầu là 25 đến 50 µg/phút. Có thể tăng liều lên đến 100 µg/phút hoặc giảm liều để duy trì huyết áp tâm thu gần trị số cơ bản.

Những liều từ 25 đến 100 µg/phút được xem là có hiệu quả để duy trì huyết áp người mẹ.

Suy thận

Có thể dùng liều phenylephrine thấp hơn trên bệnh nhân có chức năng thận suy giảm.

Suy gan

Có thể dùng liều phenylephrine cao hơn trên những bệnh nhân bị xơ gan.

Người cao tuổi :

Phải thận trọng khi dùng cho bệnh nhân cao tuổi.

Trẻ em

Tính an toàn và hiệu quả của phenylephrine trên bệnh nhi chưa được xây dụng. Chưa có dữ liệu khả dung.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Không được sử dụng phenylephrin:

- trên bệnh nhân tăng mẫn cảm với hoạt chất chính của thuốc hoặc bất cứ thành phần nào của thuốc được liệt kê trong mục Tá dược;
- trên bệnh nhân cao huyết áp nặng hoặc có bệnh mạch máu ngoại biên vì nguy cơ hoại thư do thiếu máu cục bộ hoặc huyết khối tĩnh mạch ;
- dùng phối hợp với thuốc ức chế mono-amin oxidase (IMAO) không chọn lọc (hoặc trong vòng 2 tuần kể từ khi ngưng dùng các thuốc này) vì nguy cơ tăng huyết áp kịch phát và tăng thân nhiệt có thể gây tử vong (xem mục Tương tác thuốc và các dạng tương tác khác) ;
- Trên bệnh nhân bị cường giáp nặng.

LƯU Ý ĐẶC BIỆT VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG

Theo dõi áp suất động mạch và tĩnh mạch trong khi điều trị.

Phải thận trọng khi dùng phenylephrin trong trường hợp sau:

- đái tháo đường,
- tăng huyết áp động mạch,
- cường giáp không kiểm soát,
- suy mạch vành và các bệnh tim mạn tính,
- suy mạch máu ngoại biên không nghiêm trọng,
- nhịp tim chậm,
- blốc tim không hoàn toàn,
- nhịp tim nhanh,
- loạn nhịp tim,
- đau thắt ngực (phenylephrin có thể gây ra hoặc làm nặng hơn đau thắt ngực ở bệnh nhân bị bệnh mạch vành hoặc có tiền sử đau thắt ngực),
- phình động mạch,

https://nhathuocngocanh.com/

- glaucoma góc đóng

Phenylephrin có thể làm giảm cung lượng tim. Do đó, phải hết sức thận trọng khi dùng thuốc này trên bệnh nhân xơ vữa động mạch, bệnh nhân cao tuổi và bệnh nhân bị suy tuần hoàn não hoặc suy động mạch vành.

Trên bệnh nhân bị giảm cung lượng tim hoặc bị bệnh mạch vành, phải theo dõi chặt chẽ chức năng của các cơ quan trọng yếu và phải cân nhắc giảm liều khi huyết áp hệ thống gần mức dưới của huyết áp mục tiêu.

Trong trường hợp suy tim nặng hoặc sốc do tim, phenylephrin có thể làm cho suy tim trầm trọng thêm vì tác dụng co mạch của thuốc (tăng hậu tải).

Phải chú ý không để thoát mạch khi tiêm phenylephrin vì thuốc có thể gây hoại tử mô.

Thuốc này có chứa natri. Mỗi bơm tiêm đóng sẵn 10 ml có chứa 36,8 mg (tương đương với 1,60 mmol natri). Phải cân nhắc khi dùng cho bệnh nhân đang ở chế độ kiêng dùng natri.

TƯƠNG TÁC THUỐC VÀ CÁC DẠNG TƯƠNG TÁC KHÁC

Các phối hợp bị chống chỉ định *(xem mục Chống chỉ định)*

- Các thuốc ức chế monoamine oxidase không chọn lọc (IMAOs) (iproniazid, nialamide)

Tăng huyết áp kịch phát, tăng thân nhiệt có thể gây tử vong. Do các thuốc IMAO có thời gian tác động dài nên tương tác này vẫn có thể xảy ra trong vòng 15 ngày kể từ khi ngưng dùng các thuốc IMAO.

Các phối hợp không nên dùng

- Alkaloid nấm cựa gà chủ vận trên thụ thể dopamin (bromocriptine, cabergoline, lisuride, pergolide):

Nguy cơ co mạch và/hoặc cơn tăng huyết áp.

- Alkaloid nấm cựa gà có tác dụng co mạch (dihydroergotamine, ergotamine, methylergometrine, methylsergide):

Nguy cơ co mạch và/hoặc cơn tăng huyết áp.

- Thuốc chống trầm cảm ba vòng (như imipramine):

Tăng huyết áp kịch phát kèm nguy cơ loạn nhịp (ức chế adrenaline hoặc noradrenaline đi vào các sợi giao cảm)

- Thuốc chống trầm cảm noradrenergic-serotoninergic (minalcipram, venlafaxine):

Tăng huyết áp kịch phát kèm nguy cơ loạn nhịp (ức chế adrenaline hoặc noradrenaline đi vào các sợi giao cảm).

- Thuốc ức chế men monoamine oxidase chọn lọc tuýp A (IMAO) (moclobemide, toloxatone)

Nguy cơ co mạch và/hoặc cơn tăng huyết áp.

- Linezolid:

Nguy cơ co mạch và/hoặc cơn tăng huyết áp.

- Guanethidine và các chất liên quan:

Tăng huyết áp đáng kể (tăng tác động liên quan đến giảm trương lực giao cảm và/hoặc ức chế adrenaline hoặc noradrenaline đi vào các sợi giao cảm). Nếu không thể tránh được phối hợp thuốc này, cần chú ý giảm liều các thuốc cường giao cảm.

- Các thuốc glycosid tim, quinidine:

Tăng nguy cơ loạn nhịp.

- Sibutramine:

Tăng huyết áp kịch pháp kèm nguy cơ loạn nhịm (ức chế adrenaline hoặc noradrenaline đi vào các sợi giao cảm).

https://nhathuocngocanh.com/

- Thuốc gây mê halogen dễ bay hơi (desflurane, enflurane, halothane, isoflurane, methoxyflurane, sevoflurane):

Cơn tăng huyết áp khi phẫu thuật và loạn nhịp.

Các phối hợp cần thận trọng:

- Các thuốc gây co bóp tử cung oxytoxin:

Tác dụng các amin giống giao cảm chủ vận bị tăng cường. Do đó, một số thuốc gây co bóp tử cung oxytoxin có thể gây cao huyết áp dai dẳng nặng và có thể xảy ra đột quỵ hậu sản.

XIN VUI LÒNG BÁO CHO BÁC SĨ CỦA BẠN BIẾT NẾU BẠN VỪA HOẶC ĐANG DÙNG CÁC THUỐC KHÁC, KỂ CẢ CÁC THUỐC KHÔNG KÊ ĐƠN.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Tóm tắt đặc tính an toàn thuốc

Các tác dụng không mong muốn thường gặp nhất của phenylephrin là nhịp chậm, các cơn tăng huyết áp, buồn nôn và nôn. Cao huyết áp thường xảy ra khi dùng các liều cao.

Tác dụng không mong muốn trên tim mạch thường được báo cáo nhất là nhịp chậm dường như có thể do kích thích thụ thể nhận cảm áp trung gian phế vị và điều này là phù hợp với tác động dược lực của phenylephrin.

Danh sách các phản ứng không mong muốn

Thường gặp : không rõ (chưa thể đánh giá dựa trên dữ liệu hiện có)

Rối loạn hệ miễn dịch :

Chưa rõ : quá mẫn

Rối loạn tâm thần :

Chưa rõ : lo lắng, dễ bị kích thích, bồn chồn, loạn tâm thần, lẫn lộn.

Rối loạn hệ thần kinh :

Chưa rõ : đau đầu, bồn chồn, mất ngủ, dị cảm, run cơ.

Rối loạn mắt :

Chưa rõ : giãn đồng tử, làm nặng thêm glaucoma góc đóng sẵn có.

Rối loạn tim :

Chưa rõ : nhịp chậm phản xạ, nhịp nhanh, đánh trống ngực, cao huyết áp, loạn nhịp, đau thắt ngực, thiếu máu cơ tim.

Rối loạn mạch máu :

Chưa rõ : xuất huyết não, cơn tăng huyết áp.

Rối loạn hệ hô hấp, ngực và trung thất :

Chưa rõ : khó thở, phù phổi

Rối loạn hệ tiêu hóa :

Chưa rõ : buồn nôn, nôn.

Rối loạn da và mô dưới da :

Chưa rõ : đổ mồ hôi, da tái hoặc trắng, nổi da gà, hoại tử da kèm thoát mạch.

Rối loạn hệ cơ xương và mô liên kết :

Chưa rõ : yếu cơ.

Rối loạn thận và bài tiết :

Chưa rõ : khó tiểu và bí tiểu.

https://nhathuocngocanh.com/

Mô tả phản ứng không mong muốn chọn lọc

Do phenylephrine thường dùng trong bộ phận chăm sóc đặc biệt cho bệnh nhân bị hạ huyết áp và sốc, một số phản ứng không mong muốn nghiêm trọng và tử vong được báo cáo có thể liên quan đến bệnh cảnh sẵn có và không liên quan đến việc sử dụng phenylephrin.

Đối tượng đặc biệt khác :

Người cao tuổi : nguy cơ độc tính phenylephrin gia tăng ở bệnh nhân cao tuổi (xem mục Lưu ý đặc biệt và thận trọng khi dùng).

THÔNG BÁO CHO BÁC SĨ CỦA BẠN NHỮNG TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN GẶP PHẢI KHI SỬ DỤNG THUỐC, KỂ CẢ CÁC TÁC DỤNG CHƯA ĐƯỢC KỂ ĐẾN TRONG TOA NÀY.

QUÁ LIỀU

Quá liều có thể gây ngoại tâm thu thất và những cơn nhịp nhanh thất kịch phát ngắn. Có thể xảy ra nhịp tim chậm phản xạ trong trường hợp huyết áp tăng đáng kể.

CÓ THAI VÀ NUÔI CON BẰNG SỮA MẸ

Có thai

Không có dữ liệu đáng tin cậy về tính sinh quái thai ở động vật. Trên lâm sàng, các nghiên cứu dịch tễ không cho thấy bằng chứng nào về tác dụng gây dị dạng. Có thể xem xét sử dụng PHENYLEPHRINE AGUETTANT trong thai kỳ theo đúng chỉ định của thuốc.

Việc phối hợp với một số thuốc co tử cung có thể dẫn đến tăng huyết áp nặng (xem mục Lưu ý đặc biệt và thận trọng khi dùng).

Nuôi con bằng sữa mẹ

Một lượng nhỏ phenylephrin được tiết vào sữa mẹ.

Dùng thuốc co mạch trên người mẹ có thể làm cho em bé phơi nhiễm với nguy cơ tác dụng tim mạch và thần kinh. Tuy nhiên, nếu chỉ sử dụng một lần duy nhất trong khi sinh thì vẫn có thể cho con bú mẹ.

NÓI CHUNG, TRONG QUÁ TRÌNH MANG THAI VÀ CHO CON BÚ, NÊN THAM KHẢO Ý KIẾN BÁC SĨ CỦA BẠN TRƯỚC KHI DÙNG BẤT CỨ THUỐC GÌ

ẢNH HƯỞNG TRÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC

Khi sử dụng thuốc này không nên lái xe hoặc vận hành máy móc.

DỮ LIỆU AN TOÀN TIỀN LÂM SÀNG

Phenylephrin là chất chủ vận chọn lọc của thụ thể adrenergic, nhanh chóng thoái giáng trong cơ thể. Tác dụng của nó phản ánh các tính chất dược lý mà sự quá phát của các tính chất này có thể được kiểm soát bằng những chất giải độc đã biết.

Phenylephrin được xem là một chất không sinh đột biến, không độc gen và không sinh ung thư. Trên động vật, nó có thể dẫn đến một độc tính phôi-thai và chu sinh.

Phải đặc biệt chú ý khi tiêm để tránh mọi hiện tượng tràn thuốc ra ngoài mạch máu.

TƯƠNG KỴ

Vì không có các nghiên cứu về tính tương thích, không nên trộn chung thuốc này với các thuốc khác.

THẬN TRỌNG ĐẶC BIỆT KHI TIÊU HỦY VÀ THAO TÁC

Cách dùng:

Lưu ý triệt để tôn trọng thể thức sử dụng bơm tiêm.

Bơm tiêm đóng sẵn chỉ sử dụng một lần duy nhất, sau khi sử dụng lần đầu phải vứt bỏ tất cả sản phẩm không dùng đến.

Bơm tiêm bảo đảm vô khuẩn khi còn ở trong vỉ chưa mở và không bị hư hỏng, và vì vậy chỉ được lấy ra khỏi vỉ khi sử dụng.

https://nhathuocngocanh.com/

Bằng kỹ thuật vô khuẩn, có thể sử dụng PHENYLEPHRINE AGUETTANT 50 microgrammes/mL, dung dịch tiêm trong bơm tiêm đóng sẵn, trên khăn trải vô khuẩn.

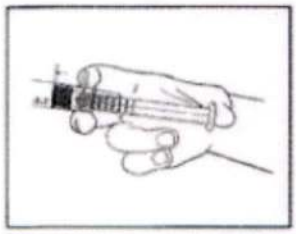

1) Lấy bơm tiêm đóng sẵn ra khỏi vỉ.

2) Ấn đáy pít-tông để giải phóng gioang vì khi tiệt khuẩn thành phẩm có thể làm mép gioang dính vào thân bơm tiêm.

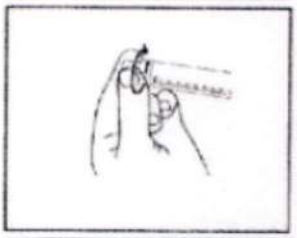

3) Vặn tháo nắp che đầu bơm tiêm nhưng bảo đảm không tiếp xúc làm vấy bẩn đầu này khi nối bơm tiêm vào đường tĩnh mạch.

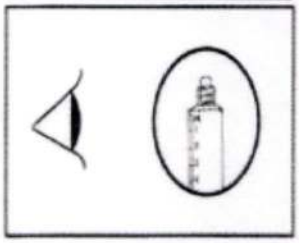

4) Kiểm tra để bảo đảm đầu bơm tiêm hoàn toàn được tháo nắp.

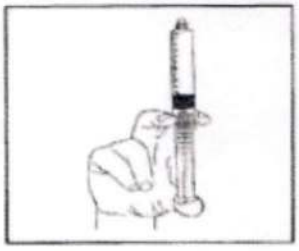

5) Ấn nhẹ pít-tông đẩy không khí trong bơm tiêm ra ngoài.

6) Nối bơm tiêm vào đường truyền tĩnh mạch. Ấn pít-tông để bơm thể tích thuốc cần dùng.

7) Sau khi dùng, tiêu hủy bơm tiêm theo các qui định hiện hành tại cơ sở.

HẠN DÙNG

36 tháng.

BẢO QUẢN

Bảo quản dưới 30°C.

Bảo quản bơm tiêm trong vỉ đựng trong bao bì gốc, tránh ánh sáng.

ĐỂ XA TẦM TAY VÀ TẦM NHÌN CỦA TRẺ EM.

KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG SẢN PHẨM ĐÃ QUÁ HẠN DÙNG ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ.

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

TUQ.CỤC TRƯỞNG
P.TRƯỞNG PHÒNG
Phạm Thị Vân Hạnh

NHÀ SẢN XUẤT

Laboratoire AGUETTANT
Parc Scientifique Tony Garnier
1 rue Alexander Fleming
69007 Lyon
PHÁP

NGÀY XEM XÉT LẠI NỘI DUNG TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC :